

CÔNG TY TNHH QUANG VINH FOOD



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở
CTY TNHH QUANG VINH FOOD**

Đồng Tháp, tháng 5... năm 2022

CÔNG TY TNHH QUANG VINH FOOD



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở
CTY TNHH QUANG VINH FOOD**

CHỦ ĐẦU TƯ



Nguyễn Thanh Nhân

ĐƠN VỊ TƯ VẤN



Giám đốc

Võ Duy Khánh

Đồng Tháp, tháng năm 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG	iv
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	v
Chương I	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1. Tên chủ cơ sở:.....	6
2. Tên cơ sở:	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở:	7
3.1. Công suất của cơ sở:	7
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	7
3.3. Sản phẩm của cơ sở:	8
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	8
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có):	9
Chương II.....	10
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	10
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):	10
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):.....	10
Chương III	11
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	11
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	11
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	11
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	11
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:	11
3.1.3. Xử lý nước thải:.....	12
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (nếu có):	15
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....	16
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:.....	16
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):	17
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	17
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):.....	19
Chương IV	20

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	20
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):	20
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):	20
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):	20
Chương V	21
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	21
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.	21
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.	21
5.3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo (Chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định):.....	21
Chương VI.....	24
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	24
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:.....	24
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:	24
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:	24
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật:	24
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:.....	24
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:	24
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.	24
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:	24
Chương VII.....	25
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	25
Chương VIII	26
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	26
PHỤ LỤC BÁO CÁO	27

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên – Môi trường
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CN	Công nghiệp
KT - XH	Kinh tế - xã hội
NĐ	Nghị định
NXB	Nhà xuất bản
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
QĐ	Quyết định
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TM	Thương mại
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TTCN	Tiểu thủ Công nghiệp
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1.	Quy mô các hạng mục công trình	6
Bảng 1.2.	Nhu cầu về nguyên liệu.....	9
Bảng 1.3.	Nhu cầu về nhiên liệu.....	9
Bảng 3.1.	Nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý	15
Bảng 5.1.	Nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý	21
Bảng 5.2.	Chất lượng nước mặt Sông Cái Nhỏ tiếp giáp dự án	22
Bảng 5.3.	Kết quả phân tích mẫu không khí tại dự án	22

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1.	Quy trình sản xuất của dự án.....	7
Hình 3.1.	Quy trình xử lý nước mưa.....	11
Hình 3.2.	Sơ đồ thu gom nước thải.....	11
Hình 3.3.	Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn.....	13
Hình 3.4.	Quy trình xử lý nước thải.....	14
Hình 3.5.	Quy trình xử lý chất thải rắn thông thường.....	16

Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Quang Vinh Food.
- Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp Bình Hòa, xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Nguyễn Thanh Nhân; Chức vụ: Giám đốc công ty.
- Điện thoại: 0908.524.208 Fax:.....; E-mail:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1402091601, được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp – Phòng đăng ký kinh doanh cấp đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 03 năm 2018.

2. Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: CTY TNHH Quang Vinh Food.
- Địa điểm cơ sở: Tổ 11, ấp Bình Hòa, xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Tổng diện tích là 882 m², với các hạng mục công trình như sau:

Bảng 1.1. Quy mô các hạng mục công trình

Stt	Hạng mục	Diện tích (m ²)
I	Hạng mục công trình chính	288
1.1	Văn phòng	30
1.2	Đóng gói	26
1.3	Khu sơ chế	176
1.4	Kho đông	56
II	Hạng mục công trình phụ trợ	521
2.1	Lò hơi	27
2.2	Trạm biến áp	6
2.3	Nhà ăn	24
2.4	Phòng bảo hộ	10
2.5	Lối đi nội bộ	454
III	Hạng mục bảo vệ môi trường	73
3.1	Hệ thống xử lý nước thải	48

❖ **Thuyết minh quy trình:**

Nguyên liệu nhập về tiến hành gọt bỏ vỏ, nên gọt vừa phải, không nên gọt quá sâu. Sau công đoạn tách vỏ được chia ra 02 loại. Một loại sản phẩm đưa cắt lát và một loại đưa đi cấp đông.

Cắt lát:

Bạn có thể cắt lát theo chiều dọc hoặc có thể cắt khoanh tròn. Không nên cắt nhỏ quá để tránh bị nát. Trung bình độ dày của sản phẩm dài từ 5 – 7mm là được.

Rửa nước sạch:

Sau khi cắt lát xong sản phẩm được đem đi rửa nước sạch và rửa luôn phần sản phẩm cấp đông. Rửa xong để ráo nước hoàn toàn.

Sấy chân không:

Tiến hành sấy bằng Máy sấy thực phẩm.

Đây là những mẫu máy chuyên dụng sấy đa năng, đã được rất nhiều khách hàng đánh giá 5 sao chất lượng.

- Tiến hành xếp sản phẩm lên khay sấy và đưa vào máy sấy.
- Khi xếp sản phẩm lên khay ta nên giữ đều khoảng cách giữa các lát sản phẩm. Không nên xếp chồng lên nhau sẽ lâu khô và khô không đều.
- Ta tiến hành đặt nhiệt độ, độ ẩm và thời gian sấy sao cho phù hợp. Nên sấy ở nhiệt độ 60-65°C, thời gian sấy 4-6 tiếng với độ ẩm 15-20% cho thành phẩm chất lượng.

Yêu cầu sản phẩm:

- Miếng sản phẩm mềm dẻo, không bị khô, cứng quá.
- Màu sắc đẹp mắt, màu vàng đậm, tươi mới.
- Hương vị thơm mùi đặc trưng của từng loại sản phẩm, vị ngọt tự nhiên, bù bù.

Thành phẩm thu được cần để nguội hoàn toàn nhằm tránh đổ mồ hôi trong bao bì dẫn đến hư hỏng.

Đóng gói, dán nhãn:

Có thể cho vào hũ thủy tinh, hũ nhựa đậy kín nắp. Cho vào túi nilong nhiều lớp để bảo quản sử dụng dần. Nên sử dụng **Máy ép chân không** để đóng gói hút chân không và nên để trong phòng lạnh. Phương pháp bảo quản bằng hút chân không có thể kéo dài thời gian bảo quản gấp 3-5 lần.

Cuối cùng thành phẩm được bán ra thị trường.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm của dự án chủ yếu là: Chuối sấy và Mít sấy.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

Nguyên, nhiên liệu sử dụng cho hoạt động của cơ sở chủ yếu là: Chuối và Mít.

- Nguyên liệu:

Bảng 1.2. Nhu cầu về nguyên liệu

Stt	Tên nguyên liệu	Đơn vị tính	Nhu cầu sử dụng (ngày) tấn/ngày
1	Chuối	Tấn	0,5
2	Mít	Tấn	0,6

(Nguồn: chủ đầu tư cung cấp)

- Nhiên liệu:

Bảng 1.3. Nhu cầu về nhiên liệu

Stt	Tên nguyên liệu	Đơn vị tính	Nhu cầu sử dụng Lít/tháng
1	Dầu DO	Lít	20

(Nguồn: chủ đầu tư cung cấp)

- Nhu cầu sử dụng điện:

Được lấy từ lưới điện trung thế 22 kV sẽ được biến thế hạ xuống điện áp sinh hoạt (220/380V-3P-50Hz). Sau đó thông qua các tủ phân phối sẽ phân phối điện năng đến các tải cần tiêu thụ (đèn chiếu sáng, các thiết bị công nghiệp...), toàn dự án tiêu thụ lượng điện khoảng 6.000 kW/tháng. Trong suốt quá trình cung cấp điện trên toàn bộ mạng điện đều được trang bị các thiết bị bảo vệ cũng như các thiết bị điều khiển để điều khiển và bảo vệ theo ý muốn của người sử dụng.

- Nhu cầu sử dụng nước:

+ Nước sinh hoạt: Dự án sử dụng nước cấp của Nhà máy cấp nước của huyện phục vụ cho sinh hoạt cho 10 nhân viên, nhu cầu khoảng 1,2 m³/ngày đêm (định mức dùng 120 lít/người/ngày).

+ Nước sản xuất: sử dụng để rửa nguyên liệu (định mức 6 lít/kg nguyên liệu), mỗi ngày dự án sử dụng khoảng 1,1 tấn nguyên liệu. Lượng nước sử dụng là 6,6 m³/ngày đêm.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có):

Công ty TNHH Quang Vinh Food đầu tư nhà máy sản xuất trái cây sấy được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đầu năm 2022. Do đó dự án thuộc đối tượng phải lập hồ sơ, thủ tục xin cấp phép môi trường theo Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Cơ sở đầu tư xây dựng Công ty TNHH Quang Vinh Food hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1402091601 do phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 29 tháng 03 năm 2018.

Việc đầu tư Công ty TNHH Quang Vinh Food với mục đích chính là cung cấp thực phẩm sấy cho khách hàng trên địa bàn tỉnh là phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế của địa phương, cũng như góp phần đẩy nhanh phát triển kinh tế của tỉnh.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

Cơ sở Công ty TNHH Quang Vinh Food có nhu cầu sử dụng công nhân viên khoảng 10 người, lượng nước thải sinh hoạt của cơ sở phát sinh 1,2 m³/ngày đêm. Lượng nước thải sinh hoạt này được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy và thải ra Sông Cái Nhỏ. Qua khảo sát thực tế cho thấy ngoài nguồn tiếp nhận nước thải là nguồn nước Sông Cái Nhỏ. Chất lượng nguồn nước Sông Cái Nhỏ còn khá tốt, chưa bị ảnh hưởng bởi các hoạt động sản xuất.

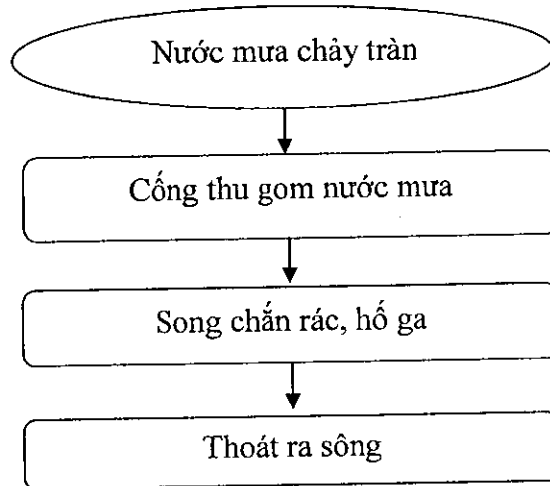
Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Quy trình thu gom xử lý nước mưa của dự án được trình bày như sau:

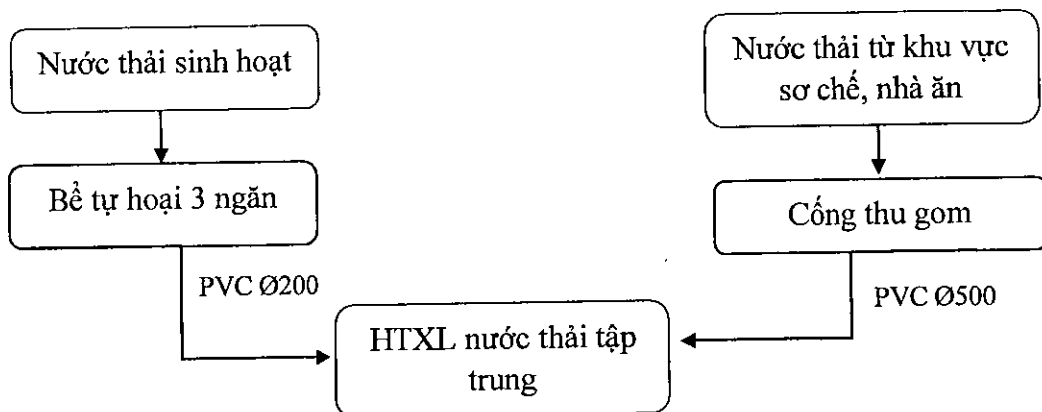


Hình 3.1. Quy trình xử lý nước mưa

Thuyết minh:

Nước mưa từ mái nhà được thu gom vào máng thu gom được thiết kế dọc theo mái nhà chiều ngang máng thu 200mm chạy dài trên mái nhà. Sau đó chảy qua ống nhựa PVC Ø60 dẫn xuống hệ thống cổng thu gom nước mưa được đặt cặp tường rào chảy dài đến nguồn tiếp nhận.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:



Hình 3.2. Sơ đồ thu gom nước thải

❖ **Thuyết minh sơ đồ thu gom nước thải:**

Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý bằng đường cống đặt âm có kích thước Ø200mm.

Nước thải từ khu vực sơ chế được thu gom toàn bộ đưa về đường cống hở BTCT có kích thước Ø200mm. Sau đó đường cống dẫn nước thải qua đường cống nhựa PVC có kích thước Ø60mm để dẫn về bể xử lý.

Hệ thống XLNT tập trung của dự án gồm các quy trình sau: nước thải được đưa vào bể tách mỡ, tiếp tục dẫn qua bồn sinh học và bồn lọc, rồi qua khử trùng để khử trùng nước thải và xả ra ngoài. Nước thải sau xử lý theo đường thoát nước thoát ra nguồn tiếp nhận Sông Cái Nhỏ.

3.1.3. Xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc trong dự án được thu gom xử lý bằng bể tự hoại trước khi xả ra môi trường.

- Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và phân hủy cặn, cặn lắng được giữ lại trong bể từ 3 đến 6 tháng, định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút đem đi xử lý.

- **Tính toán thiết kế bể tự hoại:**

$$\text{Thể tích bể tự hoại: } V_{\text{Bê}} = V_{\text{Nước}} + V_{\text{Bùn}}$$

Trong đó:

$$+ \text{ Thể tích nước: } V_{\text{Nước}} = k \times Q$$

▪ k : hệ số lưu lượng, chọn k = 1,3

▪ Q : lưu lượng nước thải (Q = 1,2 m³)

$$\Rightarrow V_{\text{nước}} = 1,3 \times 1,2 = 1,56 \text{ m}^3 \text{ (chọn } 2 \text{ m}^3)$$

+ Thể tích bùn được tính theo công thức sau:

$$V_{\text{bùn}} = \frac{m.N.t.(100 - P_1).0,7.1,2.(100 - P_2)}{100.000}$$

Trong đó:

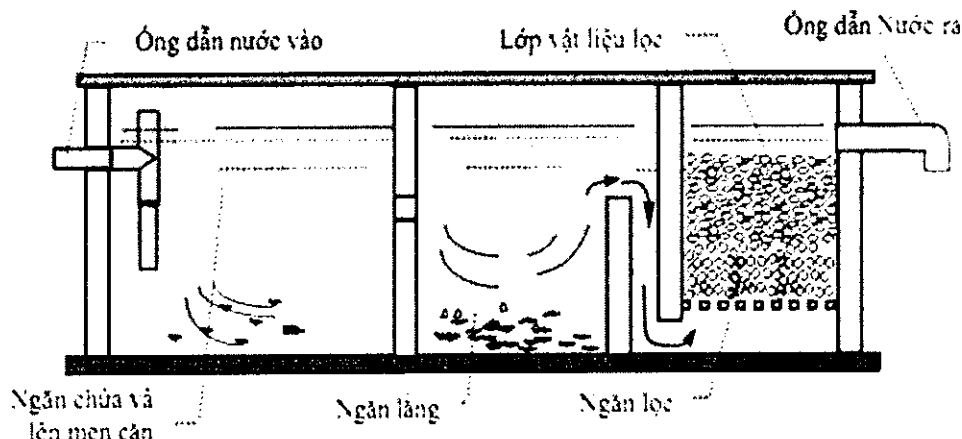
- m: tiêu chuẩn cặn lắng cho 1 người (0,4 – 0,5 lít/người.ngày.đêm) chọn m = 0,45;
- t: thời gian tích lũy cặn lắng trong bể tự hoại (180 – 365 ngày.đêm) chọn t = 180;
- 0,7: Hệ số tính đến 30 % cặn để phân giải;
- 1,2: Hệ số tính đến 20 % cặn giữ lại;
- P₁: độ ẩm trung bình của cặn tươi = 95%;
- P₂: độ ẩm trung bình của cặn trong bể tự hoại = 90%.
- N: số người mà bể phục vụ, N = 10 người.

$$V_{\text{bùn}} = \frac{0,45.10.180.(100-95).0,7.1,2.(100-90)}{100.000} = 0,34$$

$$\text{Chọn } V_{\text{bùn}} = 0,4 \text{ m}^3$$

Vậy tổng thể tích bể tự hoại là $V_{\text{Bê}} = (V_{\text{nước}} + V_{\text{bùn}}) \times 1,2 = (2 + 0,4) 1,2 = 2,88 \text{ m}^3$ (1,2 là hệ số phân thể tích chứa khí).

- Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn:



Hình 3.3. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn

Thuyết minh quy trình:

*** Ngăn 1**

Nhiệm vụ chính là tách các chất rắn vô cơ có trọng lượng riêng lớn hơn trọng lượng riêng của nước như cát, hạt quả, phân,... ra khỏi nước thải. Thực chất là bể lắng 1. Đáy bể lắng thường làm dốc $i = 0,01$ để thuận tiện khi cào gom cặn lắng, cặn được đưa vào hố thu cặn ở đầu bể.

*** Ngăn 2**

Tách các vật chất lơ lửng có tỷ trọng lớn (bùn, rác vụn...).

*** Ngăn lọc**

Tách các chất ở trạng thái lơ lửng có kích thước nhỏ bằng cách lọc chúng qua lưới lọc đặc biệt hoặc qua lớp vật liệu lọc là vật liệu có nhiều lỗ bọt. Mô hình bể tự hoại cho thấy giữa 2 tấm đan bê tông cốt thép (BTCT) có đục lỗ là gạch vỡ, than củi hoặc than xi. Mục đích sử dụng than củi hay than xi, góp phần làm trong nước thải hơn sau khi lọc. Nước từ ngăn 2 được đưa đến sẽ được phân phối đều trên toàn diện tích bề mặt bể, đi qua lớp vật liệu lọc, được làm sạch và theo các ống máng có đục lỗ rút đi. Việc làm sạch nước được thực hiện nhờ các màng sinh vật xuất hiện trên bề mặt lớp vật liệu lọc khi tiếp xúc với oxy của không khí xâm nhập từ bề mặt bể, các lỗ ở thành bể và từ khoảng trống ở đáy bể. Để phân phối nước đều trên bề mặt, người ta thường dùng các máng răng cưa hoặc ống châm lỗ.

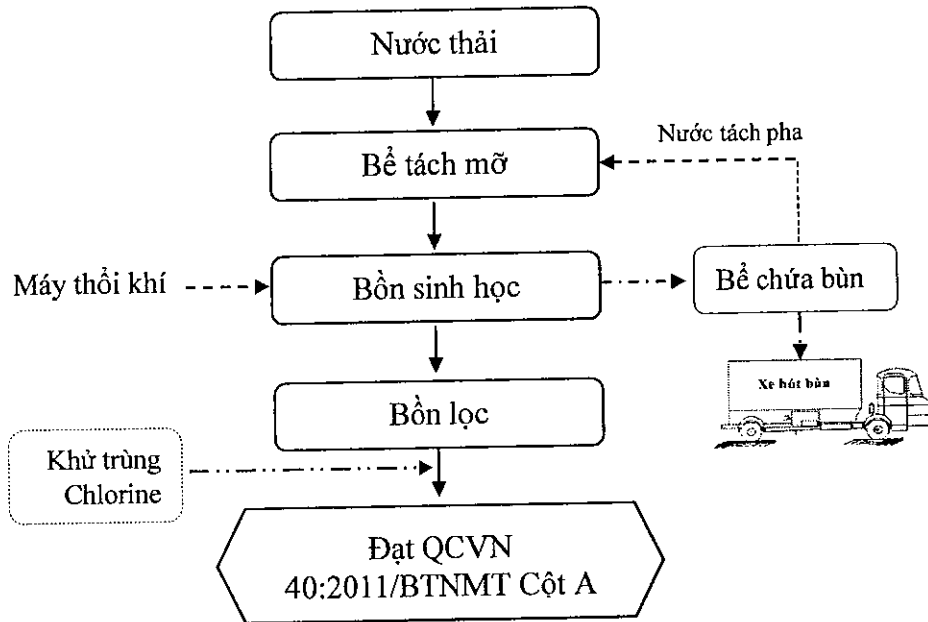
Thời gian nước lưu trong bể từ 1 - 3 ngày nên vận tốc nước chảy trong bể rất nhỏ. Do đó, trong quá trình chuyển động, các hạt cặn sẽ chịu tác dụng của trọng lực, lắng dần xuống đáy bể. Chất hữu cơ trong cặn lắng sẽ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật yếm khí. Vì vậy, cặn sẽ lên men, mất mùi hôi và giảm thể tích. Tốc độ lên men nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải, lượng vi sinh vật có trong lớp cặn,... Nhiệt độ càng cao tốc độ lên men cặn càng nhanh. Kết quả của quá trình lên men cặn là sẽ xử lý được cặn tươi, các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy thành các chất đơn giản gồm H_2O , CO_2 , CH_4 ,... Độ ẩm của cặn tươi vào bể và cặn khi lên men tương ứng là 95% và 90%.

Bùn cặn ở đáy bể được hút định kỳ 6 tháng/lần và đem đổ đúng nơi quy định. Khoảng 20% lượng cặn đã lên men để lại trong bể để tạo men cho bùn cặn tươi mới lắng.

*** Ống thông hơi**

Vượt lên cao qua khỏi mái nhà tối thiểu là 0,7m để dẫn các khí có thể gây nổ trong quá trình phân hủy của các chất hữu cơ (NH_4 , H_2S , C_2H_2 , CH_4) ra khỏi mạng lưới thoát nước.

✦ Quy trình xử lý nước thải tập trung của dự án:



Hình 3.4. Quy trình xử lý nước thải

Thuyết minh:

- Bể tách mỡ:

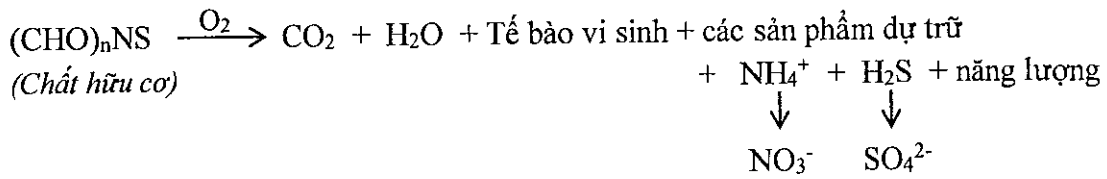
Toàn bộ nước thải của dự án: Nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại) và Nước thải sản xuất được thu gom dẫn về bể tách dầu mỡ để tách dầu mỡ trong nước thải. Tại đây, nước thải được các bơm chìm hoạt động tự động theo phao, bơm nước thải qua “Bồn sinh học”.

- Bồn sinh học:

Bồn sinh học hiếu khí sử dụng bùn hoạt tính lơ lửng với các chủng vi sinh vật đặc hiệu cho quá trình phân hủy hiếu khí. Tại đây, không khí được tăng cường bằng các máy thổi khí công suất lớn qua hệ thống các thiết bị phân phối khí bố trí dưới đáy bể, đảm bảo lượng oxygen hòa tan trong nước thải từ 2 – 4mg/lít để đảm bảo cung ứng đủ lượng oxi cho vi sinh vật sống và tiêu thụ chất hữu cơ trong nước thải.

Tại đây các chất hữu cơ có hại cho môi yếu sẽ là khí CO_2 và sinh khối vi sinh vật. Các hợp chất chứa nitơ và lưu huỳnh sẽ được chuyển thành dạng NO_3^- , SO_4^{2-} và tiếp tục bị khử nitrat, khử sulfate bởi các vi sinh vật. Hiệu quả xử lý trong giai đoạn này có thể đạt từ 70 đến 80%.

Phương trình diễn ra như sau:



- Bùn lọc:

Bùn lọc được thiết kế nhằm mục đích loại bỏ chất rắn lơ lửng. Nước trong từ bồn sinh học được bơm qua bể lọc, ở đây nước thải được lọc xuôi từ trên xuống qua các lớp cát, đá, sỏi....lọc thô nhằm loại bỏ hoàn toàn chất lơ lửng còn sót lại. Nước sau lọc được khử trùng.

Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A trước khi xả vào nguồn tiếp nhận Sông Cái Nhỏ.

Quy trình xử lý nước thải của dự án đang áp dụng được lấy kết quả kiểm nghiệm và đánh giá hiệu quả xử lý như sau:

Bảng 3.1. Nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A
1	pH	-	7,64	6 – 9
2	TSS	mg/l	KPH	50
3	COD	mg/l	25	75
4	BOD ₅ 20°C	mg/l	15	30
5	Tổng N	mg/l	9,7	20
6	Tổng P	mg/l	2,48	4
7	Coliform	MPN/100ml	KPH	3.000

(Nguồn: Phiếu kết quả của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường, 2021)

Qua bảng kết quả trên cho thấy hệ thống xử lý nước thải của dự án hoạt động rất hiệu quả và các thông số đều đạt so với quy chuẩn so sánh. Vì vậy việc áp dụng quy trình xử lý nước thải của dự án với quy mô như trên sẽ đảm bảo nước thải đầu ra đạt quy chuẩn như cam kết.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (nếu có):

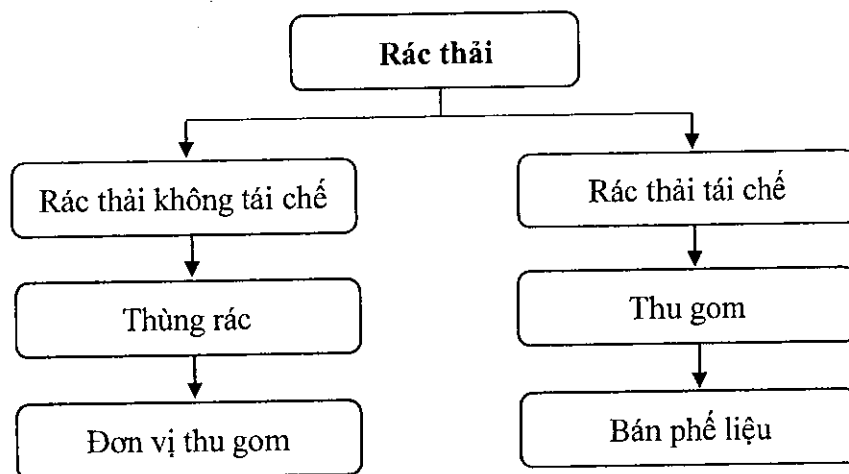
Hoạt động các phương tiện vận chuyển nhập, xuất hàng hóa:

– Để giảm thiểu ô nhiễm, định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị đúng theo quy định của nhà sản xuất, điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều xe hoạt động tại kho chứa cùng thời điểm. Các phương tiện vận chuyển hàng hóa phải được thực hiện đúng quy định.

- Các phương tiện vận chuyển được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải kiểm định, cấp phép lưu hành và còn trong thời hạn sử dụng.
- Thường xuyên vệ sinh mặt bằng sân, đường, mặt bằng kho tại khu vực dự án.
- Bê tông hoá đường giao thông nội bộ.
- Trồng cây xanh góp phần hạn chế bụi, tiếng ồn.
- Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển nhằm đảm bảo xe hoạt động trong tình trạng tốt, hạn chế phát sinh bụi và khí thải; đảm bảo an toàn về môi trường trong quá trình vận chuyển.
- Phun nước khu vực đường nội bộ và (trước dự án) để giảm bụi, hơi nóng do xe vận chuyển ra vào dự án vào mùa khô và khi cần thiết.

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

* Quy trình xử lý rác thải:



Hình 3.5. Quy trình xử lý chất thải rắn thông thường

* Thuyết minh quy trình:

- Rác thải sinh hoạt hàng ngày gồm những thành phần có thể tái chế, tái sử dụng như: chai lọ, túi nilon,... đều có thể bán phế liệu. Lượng chất thải này thu gom lại hàng ngày và đem bán phế liệu một lần cho các cơ sở tái chế vào cuối tháng.
- Rác thải không thể tái chế hay tái sử dụng như: thức ăn dư thừa, các chất vô cơ... thì cho vào thùng rác có nắp đậy sau đó được chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.
- Việc áp dụng biện pháp xử lý chất thải rắn bằng cách phân loại tại nguồn như trên vừa góp phần bảo vệ môi trường, vừa giảm áp lực cho bãi rác.

Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường phát sinh hàng ngày.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh sẽ được thu gom sau đó lưu trữ tại kho chứa riêng biệt. Kho chứa có mái che, tường tole bao quanh (diện tích 9m²) và có gắn biển cảnh

báo. Trong kho chứa trang bị khoảng 03 thùng chuyên dụng để lưu chứa toàn bộ lượng chất thải nguy hại: Bóng đèn huỳnh quang thải; Giẻ lau dính dầu; Dầu nhớt thải.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng để thu gom và xử lý định kỳ theo quy định. Chủ dự án cam kết quản lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn, dự án áp dụng giải pháp sau:

- Xây tường rào xung quanh ranh đất (tường cao khoảng 2m) để cách li dự án với khu vực lân cận và giảm thiểu tiếng ồn tác động qua các thửa đất lân cận.

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng và lắp đặt bộ hãm thanh cho xe tải, xe nâng, máy phát điện để giảm cường độ ồn khi thiết bị hoạt động.

- Yêu cầu khách hàng không được bấm còi xe khi đậu, làm việc tại dự án. Bố trí đường chính để xuất, nhập nguyên, nhiên, phụ liệu và sản phẩm ở giữa khu đất; lắp biển cảnh báo hạn chế phương tiện giao thông di chuyển trên các đoạn đường nội bộ gần các Trường học và nhà dân để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến các đối tượng này.

- Máy phát điện dự phòng được bố trí trong nhà có mái tôn, vách tường kín tới mái, có cửa kín và được bố trí cách xa khu làm việc để giảm thiểu tác động đến công nhân viên làm việc tại dự án.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

❖ Phòng chống cháy nổ, phòng chống sét:

- Dự án sẽ trang bị đầy đủ các dụng cụ PCCC đúng theo qui định ở nơi dễ nhìn thấy, dễ sử dụng. Cụ thể như:

+ Trang bị tiêu lệnh, nội quy để tuyên truyền, hướng dẫn nhân viên cách để phòng chống, ứng phó sự cố cháy, nổ.

+ Trang bị số lượng bình chữa cháy đúng theo quy định.

+ Trang bị hộp nước vách tường, máy bơm nước PCCC đúng quy định.

+ Trang bị hệ thống báo cháy tự động (như đầu báo nhiệt, báo khói, chuông báo động,...) cho tất cả các xưởng sản xuất của dự án.

- Định kỳ vệ sinh văn phòng,...

- Bố trí dây dẫn điện phù hợp công suất của thiết bị tiêu thụ điện; dây điện được đi trong ống nhựa, bảng điện được lắp đặt phù hợp tầm sử dụng. Dự án phân công nhân viên thường xuyên kiểm tra ổ cắm điện và thay mới khi phát hiện có dấu hiệu hư hỏng nhằm hạn chế tối đa sự cố có thể xảy ra.

- Ngoài ra, dự án sẽ bố trí kim thu sét cho mái nhà, ống khói để phòng, chống sét đánh.

- Bố trí nơi cho công nhân hút thuốc; lắp đặt biển cấm hút thuốc, sử dụng lửa khi làm việc.

❖ An toàn lao động:

Để đảm bảo an toàn lao động, dự án sử dụng các giải pháp sau:

- Hướng dẫn nhân viên am hiểu nguyên tắc phòng chống cháy nổ, cách sử dụng các thiết bị điện an toàn, đúng qui cách.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (ủng, nón, bao tay, khẩu trang,...) và yêu cầu công nhân sử dụng khi làm việc.
- Trang bị tủ thuốc y tế, phòng y tế để ứng cứu kịp thời khi có tai nạn lao động xảy ra.
- Đóng phí bảo hiểm đúng quy định và khám sức khỏe định kỳ cho những công nhân làm việc thường xuyên tại dự án.
- Lắp đặt nội quy hoạt động cho từng khu vực sản xuất, nơi lưu chứa nguyên vật liệu, hóa chất,... để yêu cầu nhân viên, khách hàng thực hiện.
- Vận hành hệ thống xử lý bụi, mùi hôi và nhiệt thường xuyên để giảm nồng độ hóa chất trong xưởng sản xuất.
- Trang bị cửa mái, quạt thông gió, lam thông gió tạo sự thông thoáng cho khu vực sản xuất, giảm tải lượng mùi hôi ở khu vực sản xuất.

➤ Ứng phó ngừa tai nạn lao động:

- Trang bị các dụng cụ và thiết bị cần thiết cho việc sơ cấp cứu người bị tai nạn lao động.
- Ghi rõ các địa chỉ liên hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá, bệnh viện,... tại vị trí dễ thấy để liên hệ.
- Tiến hành sơ cấp cứu cho người bị tai nạn hoặc chuyển người bị nạn đến trạm xá, bệnh viện gần nhất hoặc gọi cấp cứu để kịp thời cứu chữa người bị nạn.

Nhận xét:

Các biện pháp an toàn lao động áp dụng tại Dự án mang lại hiệu quả cao, đảm bảo an toàn cho người lao động.

❖ Đảm bảo an toàn giao thông:

Để đảm bảo an toàn giao thông dự án áp dụng giải pháp sau:

- Phân công điều khiển phương tiện giao thông cho người có giấy phép hành nghề và trong người không có cồn. Thiết lập nội quy ràng buộc nhân viên nghiêm túc chấp hành luật giao thông.
- Yêu cầu khách liên hệ không đậu xe lấn chiếm lòng lề đường trong quá trình xuất nhập hàng hay chờ đưa đón công nhân làm việc tại dự án.
- Đăng kiểm phương tiện chuyên chở đúng quy định, không vận chuyển quá tải trọng cho phép, không dùng phương tiện chuyên chở quá hạn đăng ký, quá thời hạn.
- Yêu cầu nhân viên cài chốt và khóa cẩn thận thùng xe để phòng chống rơi vãi nguyên liệu, sản phẩm khi phương tiện lưu thông.
- Bố trí khoảng không gian trống cấp lộ đàn để công nhân, phương tiện chờ khi di chuyển ra vào dự án. Đồng thời, chủ dự án cũng sẽ liên hệ cơ quan chức năng để được

hướng dẫn giải pháp thực hiện đảm bảo an toàn giao thông khu vực qua dự án và cam kết nghiêm chỉnh chấp hành theo hướng dẫn của cơ quan chức năng.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

Không có.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh nước thải: nguồn phát sinh nước thải từ nguồn rửa trái cây và sinh hoạt công nhân.
- + Nguồn số 01: nước thải từ nguồn rửa trái cây 6,6 m³/ngày đêm.
- + Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt 1,2 m³/ngày đêm.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là 10 m³/ngày đêm.
- Dòng nước thải: dòng nước thải đề nghị cấp phép (là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận Sông Cái Nhỏ).
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT giá trị C_{max}, cột A (K_q = 1; K_f = 1,2). Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cụ thể với các thông số sau:

Bảng: Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải.

Stt	Thông số	ĐVT	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A (giá trị C _{max}) K _q = 1; K _f = 1,2
1.	pH	-	6 - 9
2.	TSS	mg/l	60
3.	BOD ₅	mg/l	36
4.	COD	mg/l	90
5.	Tổng N	mg/l	24
6.	Tổng P	mg/l	4,8
7.	Coliforms	MPN/100ml	3.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: vị trí xả nước thải (Tọa độ vị trí xả nước thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105, múi chiều 3^o: X: 1035059; Y: 0576961), phương thức xả thải (tự chảy), nguồn tiếp nhận nước thải Sông Cái Nhỏ.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):

Dự án không có phát sinh khí thải.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Nguồn phát sinh: nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính của dự án là tiếng ồn của các phương tiện xuất nhập hàng ra vào dự án.
- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung là 70dBA theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT.

Bảng 5.2. Chất lượng nước mặt Sông Cái Nhỏ tiếp giáp dự án

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT Cột B1
1	pH	-	7,0	5,5 - 9,0
2	DO	mg/l	5,1	≥ 4
3	BOD ₅	mg/l	20	15
4	COD	mg/l	37	30
5	TSS	mg/l	46	50
6	Amoni	mg/l	0,7	0,9
7	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.900	7.500

(Nguồn: kết quả phân tích kèm theo phần phụ lục)

Ghi chú:

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT Cột B1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Nhân xét:

Qua kết quả phân tích chất lượng nước mặt lân cận khu vực thực hiện Dự án cho thấy nước mặt xung quanh khu vực dự án còn tốt chưa bị ô nhiễm nhiều. Có 02 chỉ tiêu không đạt là BOD₅ và COD, các chỉ tiêu còn lại đều nằm trong giới hạn cho phép QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1.

b. Hiện trạng môi trường không khí

Theo kết quả phân tích mẫu không khí tại khu vực dự án do nhóm tư vấn lập báo cáo phối hợp với đơn vị thu mẫu tiến hành lấy và phân tích mẫu tại khu vực hiện hữu của dự án, so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT như sau:

- Nơi lấy mẫu: Công ty TNHH Quang Vinh Food.
- Ngày lấy mẫu: ngày 18/4/2022.
- Vị trí lấy mẫu: 01 điểm công vào dự án (KK).

Bảng 5.3. Kết quả phân tích mẫu không khí tại dự án

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT QCVN 26:2010/BTNMT
1	Bụi tổng	µg/m ³	140	300
2	SO ₂	µg/m ³	90	350
3	NO ₂	µg/m ³	80	200
4	CO	µg/m ³	< 4.500	30.000
5	Tiếng ồn	dB(A)	62	70

(Nguồn: kết quả phân tích kèm theo phần phụ lục)

Ghi chú:

- QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Nhận xét:

Qua kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí khu vực dự án hiện hữu khá tốt. Qua đó cho thấy nồng độ ô nhiễm còn nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn. Chất lượng môi trường không khí tại dự án không ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Dự án trước đây đã thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết và đã vận hành thử nghiệm xong, đưa vào vận hành chính thức đến nay. Do đó dự án xin phép không vận hành thử nghiệm lại.

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Hiện tại dự án đã xây dựng hoàn chỉnh các công trình bảo vệ môi trường và đưa vào vận hành. Đặc trưng của loại hình dự án chủ yếu là công trình xử lý nước thải.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật:

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Quan trắc nước thải sau xử lý:

- Vị trí: 01 vị trí đầu ra sau xử lý.
- Tần suất: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: pH, COD, BOD₅, TSS, Amoni, Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Hiện tại, tính chất dự án tác động đến môi trường tương đối nhỏ. Nên chủ dự án xin phép không quan trắc tự động, liên tục.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

Không có.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm khoảng 12 triệu.

Chương VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI
VỚI CƠ SỞ

Không có kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất của cơ sở theo quy định của pháp luật;
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG THÁP
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 1402091601

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 03 năm 2018

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUANG VINH FOOD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH QUANG VINH FOOD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ 11, ấp Bình Hòa, Xã Bình Thạnh, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Điện thoại: 0908 524 208

Fax:

Email: quangvinhfood@gmail.com

Website: quangvinhfood.com

3. Vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Ba tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGUYỄN THANH NHÀN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 341010479

Ngày cấp: 12/08/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Đồng Tháp

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 697, tổ 37, ấp Bình Hòa, Xã Bình Thạnh, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 697, tổ 37, ấp Bình Hòa, Xã Bình Thạnh, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THANH NHÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty

Sinh ngày: 1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 341010479

Ngày cấp: 12/08/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Đồng Tháp

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 697, tổ 37, ấp Bình Hòa, Xã Bình Thạnh, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 697, tổ 37, ấp Bình Hòa, Xã Bình Thạnh, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thanh Thành

XÁC NHẬN

Ban Nhân Dân Ấp Minh Hòa

Bà Ngô Thị Ngai ở' cho Công ty Cường Vinh FCO
thuê mặt bằng theo nội dung thỏa thuận, đúng
thật.

Minh Hòa ngày 01 tháng 02 năm 2021

Trần Văn Ấp



Nguyễn Bá Thành

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VIMCERTS 109; VILAS 412)

Địa chỉ: QL 30, ấp An Lạc, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp
ĐT: 02773 870 933; Fax: 02773 870 933 Email: quantrac trung tam@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: .12.424.

Tên khách hàng : Công ty TNHH Công nghệ Endota.
Địa chỉ : 884/1, đường Nguyễn Thái Học, khóm Thuận An, phường Hòa Thuận,
thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Vị trí thu mẫu : Nước thải sau xử lý của Công ty TNHH Quang Vinh Food.
Tên mẫu : Nước thải. Mã mẫu: T2201221-01.
Ngày nhận mẫu : 20/12/2021.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,64
2	BOD ₅ 20°C	SMEWW 5210 D:2017	mg/L	15
3	COD	SMEWW 5220 B:2017	mg/L	25
4	Tổng nito	TCVN 6638:2000	mg/L	9,70
5	Tổng phốt pho	TCVN 6202:2008	mg/L	5,70
6	Chất rắn lơ lửng	TCVN 6625:2000	mg/L	KPH (MDL=5)
7	Coliforms	TCVN 6187-2:1996	MPN/100mL	KPH (MDL=3)

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 12 năm 2021

TRƯỞNG PHÒNG PTTN

Lê Thị Ngọc Giàu

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Phong

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VIMCERTS 109; VILAS 412)

Địa chỉ: QL 30, ấp An Lạc, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp
ĐT: 02773 870 933; Fax: 02773 870 933 Email: quantrac trung tam @ gmail . com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: . 1. 2/ 2.

Tên khách hàng : Công ty TNHH Công nghệ Endota.
Địa chỉ : 884/1, khóm Thuận An, phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Vị trí thu mẫu : Nước thải sau xử lý của Công ty TNHH Quang Vinh Food.
Tên mẫu : Nước thải. Mã mẫu: T2281221 -03.
Ngày nhận mẫu : 28/12/2021.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

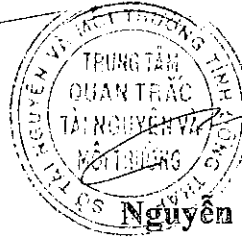
TT	Thông số	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả
1	Tổng phốt pho	TCVN 6202:2008	mg/L	2,48

Đồng Tháp, ngày 04 tháng 01 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG PTTN

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Thị Ngọc Giàu



Nguyễn Quốc Phong



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0003072.22
MSM: PNE.22.0803.XQ01

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH QUANG VINH FOOD
Địa chỉ : Tổ 11, ấp Bình Hòa, xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Số lượng : 01 mẫu
Ngày nhận mẫu : 18/04/2022
Ngày trả kết quả : 25/04/2022

VIMCERTS 075

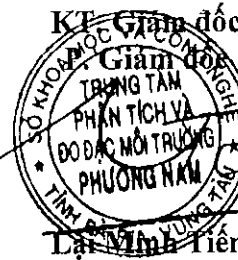
TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT
				XQ01	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	62,0	70 ^a
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	140	300
3	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	90	350
4	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	80	200
5	CO	µg/m ³	HD12-KK-CO	< 4.500	30.000

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Không khí xung quanh khu vực công dự án;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^(a)QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0003071.22
 MSM: PNE.22.0803.NM01

Tên mẫu : Nước mặt
 Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH QUANG VINH FOOD
 Địa chỉ : Tổ 11, ấp Bình Hòa, xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
 Số lượng : 01 mẫu
 Ngày nhận mẫu : 18/04/2022
 Ngày trả kết quả : 25/04/2022

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NT01
1	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	7,0
2	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	20
3	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	37
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	TCVN 6625:2000	46
5	Ôxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	5,1
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,7
7	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	3,9 x 10 ³

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NM01: Nước mặt tại khu vực công ty (X = 1034544; Y = 0577427);
- (#): Chỉ tiêu được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Kiểm tra và Giám đốc
 P. Giám đốc
 TRUNG TÂM
 PHÂN TÍCH VÀ
 ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG
 PHƯƠNG NAM
 TP. VŨNG TÀU

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ENDOTA

Số 884
1, Đường Nguyễn Thái Học, Khóm Thuận An, Phường Hòa Thuận,
Thành Phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

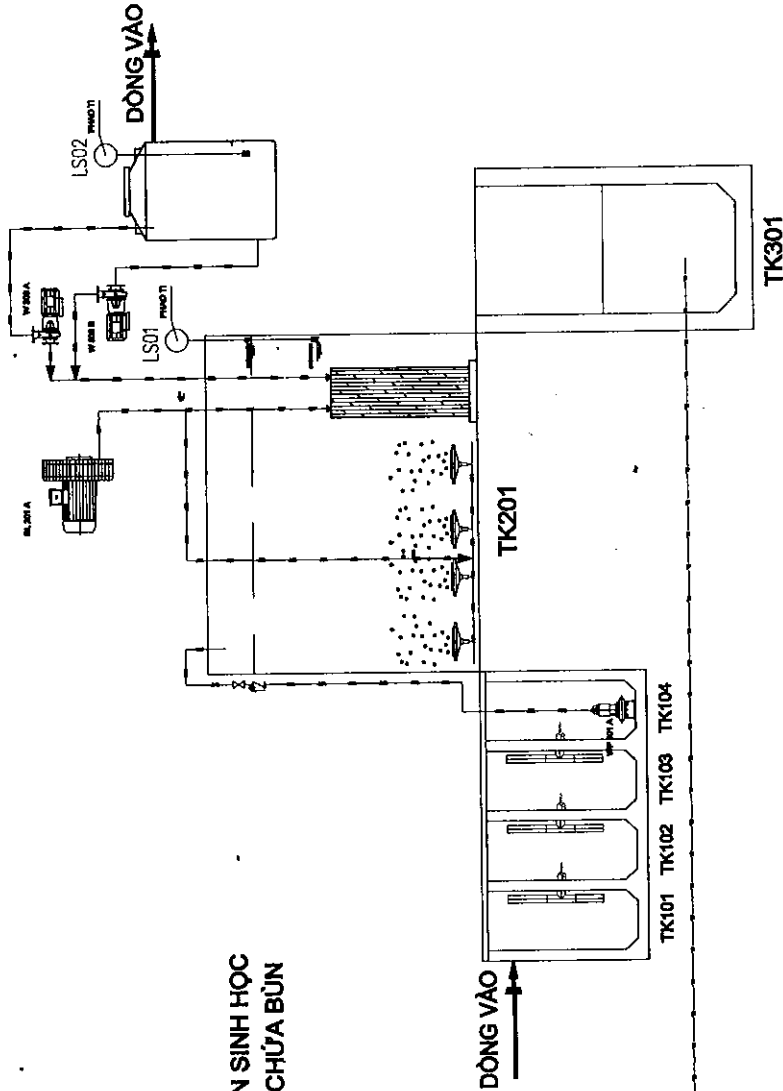
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT CHẾ BIẾN TRÁI CÂY,
CÔNG SUẤT 3 M³/NGÀY.ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM: ÁP BÌNH HÒA, XÃ BÌNH THẠNH, HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH QUANG VINH FOOD

ĐƠN VỊ THI CÔNG: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ENDOTA

ĐỒNG THÁP, 2021

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT CHẾ BIẾN TRÁI CÂY, CÔNG SUẤT 10 M³/NGÀY.ĐÊM



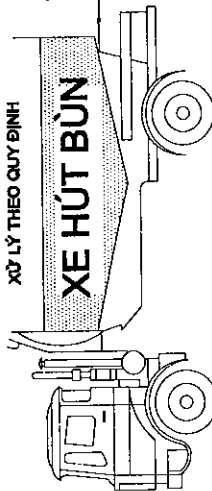
GHI CHÚ:

- TK101: BỂ TÁCH MỠ 01
- TK102: BỂ TÁCH MỠ 02
- TK103: BỂ TÁCH MỠ 03
- TK104: BỂ TÁCH MỠ 04

- TK201: BỒN SINH HỌC
- TK301: BỂ CHỨA BÙN

XỬ LÝ THEO QUY ĐỊNH

XE HÚT BÙN



- Bơm chìm: Máy khuấy chìm
- Bơm chìm: Máy thổi khí
- Motor: Máy nén khí

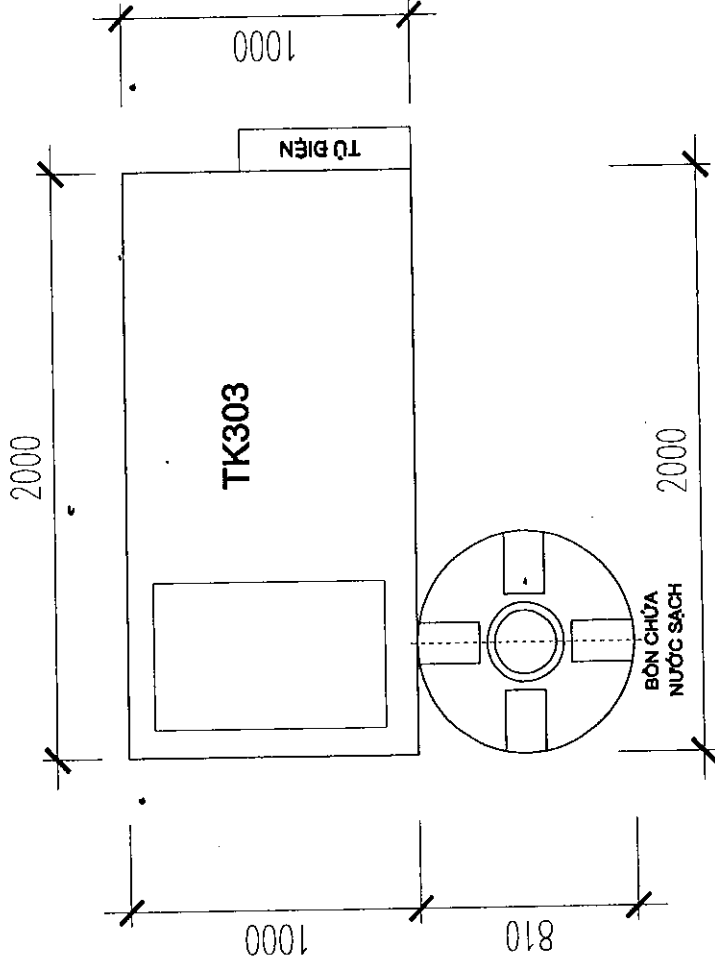
STT	KI HIEU	HANG MUC	THIET BI	XUAT XU	STT	KI HIEU	HANG MUC	THIET BI	XUAT XU
1	TK101	BỂ TÁCH MỠ	NPP-104 A	0.16KW, 220V-50Hz	ĐÀI LOAN				
2	TK201	BỂ SINH HỌC	LS 02/03	Vật liệu					

QUY TRÌNH THIẾT KẾ DESIGNER DATE: 20/08/2024	CÔNG TRÌNH PROJECT THỜI GIAN DURATION	HỌ TÊN NAME CHỨC VỤ POSITION	SỐ QUÂN QUẢN LÝ NO. OF SUPERVISOR
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BIOTECH BIOTECH COMPANY LIMITED	CÔNG TY TNHH QUANG VIN FOOD QUANG VIN FOOD COMPANY LIMITED	SỐ QUÂN THIẾT KẾ NO. OF DESIGNER	SỐ QUÂN QUẢN LÝ NO. OF SUPERVISOR

**MẶT BẰNG THIẾT BỊ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CHẾ BIẾN TRÁI CÂY, CÔNG SUẤT 3 M³/NGÀY.ĐÊM**

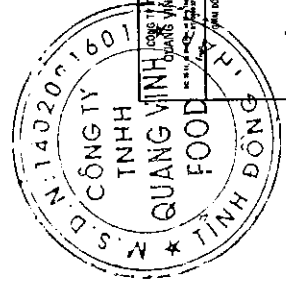
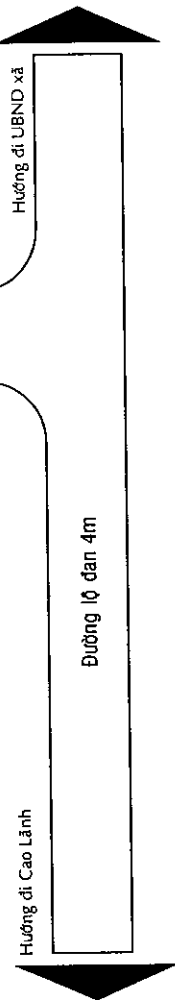
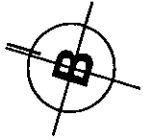
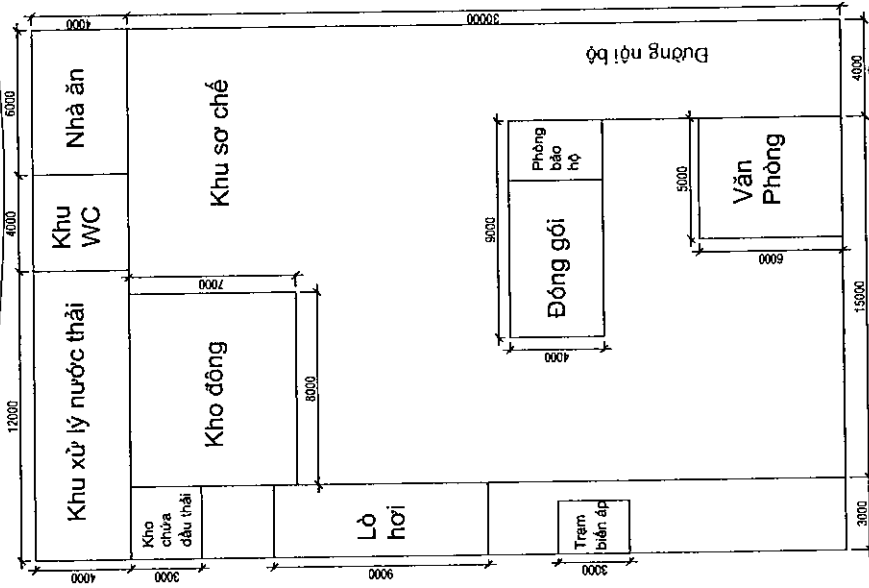
GHI CHÚ:

- TK101: BỂ TÁCH MỠ 01
- TK102: BỂ TÁCH MỠ 02
- TK103: BỂ TÁCH MỠ 03
- TK104: BỂ TÁCH MỠ 04
- TK201: BỒN SINH HỌC
- TK301: BỂ CHỨA BÙN



SỐ QUẢN LÝ DRAWING NO.	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ENDOTA CÔNG TY TNHH MỸ DÔNG THÁP			SỐ QUẢN LÝ DRAWING NO.	NGÀY XẤY DỰNG DATE	
	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ENDOTA CÔNG TY TNHH MỸ DÔNG THÁP					
	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ENDOTA CÔNG TY TNHH MỸ DÔNG THÁP					
SỐ QUẢN LÝ DRAWING NO.	NGÀY XẤY DỰNG DATE	SỐ QUẢN LÝ DRAWING NO.	NGÀY XẤY DỰNG DATE	XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT CHẾ BIẾN TRÁI CÂY, CÔNG SUẤT 3 M ³ /NGÀY.ĐÊM		
				MẶT BẰNG THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHẾ BIẾN TRÁI CÂY, CÔNG SUẤT 3 M ³ /NGÀY.ĐÊM		
				MẶT BẰNG THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHẾ BIẾN TRÁI CÂY, CÔNG SUẤT 3 M ³ /NGÀY.ĐÊM		
				MẶT BẰNG THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHẾ BIẾN TRÁI CÂY, CÔNG SUẤT 3 M ³ /NGÀY.ĐÊM		
				MẶT BẰNG THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHẾ BIẾN TRÁI CÂY, CÔNG SUẤT 3 M ³ /NGÀY.ĐÊM		

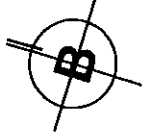
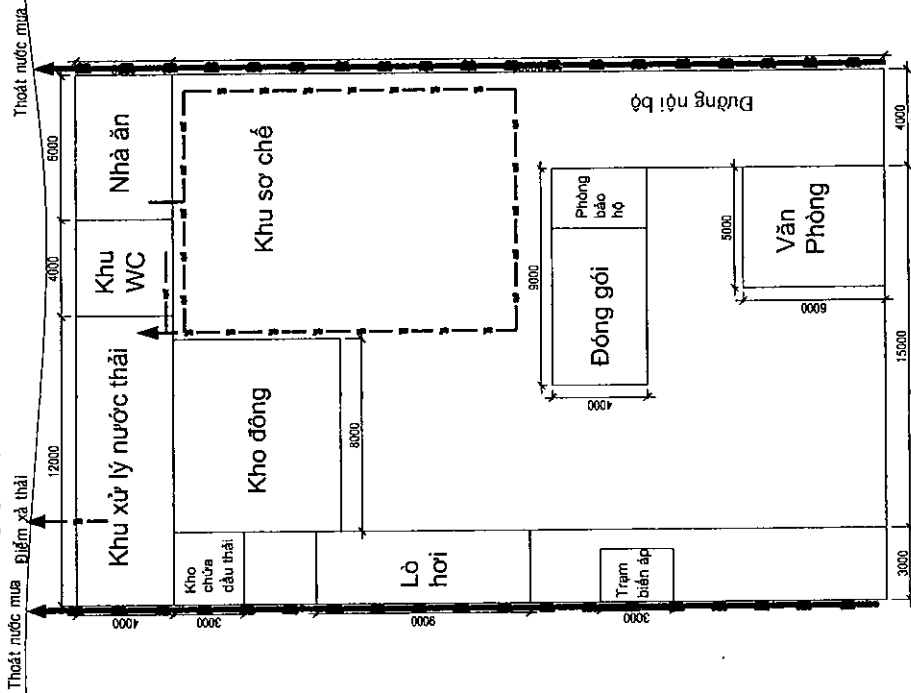
SÔNG CÁI NHỎ



CÔNG TY TNHH QUANG VINH FOOD Số 10/11 Đường Nguyễn Huệ, Phường Tân Hưng, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh Số điện thoại: 090 300 0000	MẶT BẰNG TỔNG THỂ TL: 1/100 	SỐ HIỆU BẢN VẼ HT 24060020
--	---------------------------------	-------------------------------

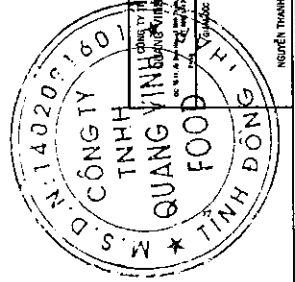
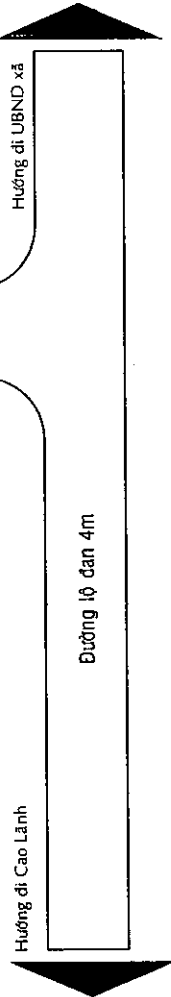
MẶT BẰNG TỔNG THỂ TL: 1/100

SÔNG CÁI NHỎ



GHI CHÚ:

- ĐƯỜNG THU GOM THOÁT NƯỚC THẢI
- ĐƯỜNG THU GOM THOÁT NƯỚC MƯA



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI, NƯỚC MƯA

CÔNG TY TNHH QUANG VINH FOOD Số 11/11 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM	MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI NƯỚC MƯA
11/11/2020	11/11/2020

